

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03 /2024/DS-ST**

Ngày: 15/01/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Chánh
2. Bà Mai Thị Nhắc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 276/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960; (Có mặt)

Địa chỉ: **ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị T1**, sinh năm 1985; (Có mặt)

Địa chỉ: **ấp Bình Sơn, xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Phan Văn M**, sinh năm 1978; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** trình bày:*

Vào năm 2022, chị **Trần Thị T1** có thỏa thuận mua bán dừa trái khô với bà, khi mua bán hai bên chỉ có thỏa thuận bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Sau nhiều lần mua bán thì chị **T1** còn nợ lại bà số tiền là 65.400.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu chị **T1** trả tiền nhưng chị **T1** vẫn chưa trả. Bà có yêu cầu **Ủy ban nhân dân xã N** hòa giải nhưng chị **T1** không đến nên không hòa giải được. Do việc mua bán dừa của chị **T1** nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình nên bà khởi kiện yêu cầu buộc chị **T1** cùng chồng là anh **M** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 65.400.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 20/5/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 0.83%/tháng, tạm tính từ ngày 20/5/2022 đến ngày 20/8/2023 là 15 tháng với số tiền là 8.142.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 73.542.000 đồng.

Đối với yêu cầu xin trả dần của chị **T1** với số tiền 500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu trả đối với số tiền lãi 8.142.000 đồng.

*Theo nội dung biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị **Trần Thị T1** trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của bà **T** về thời gian mua bán, thỏa thuận mua bán giữa các bên. Chị thừa nhận hiện nay còn nợ lại bà **T** số tiền mua bán dừa là 65.400.000 đồng và đồng ý trả cho bà **T** số tiền này, không đồng ý trả tiền lãi. Do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đối với yêu cầu của bà **T** buộc anh **M** có nghĩa vụ liên đới với chị trả số tiền trên thì chị không đồng ý, do việc thỏa thuận mua bán là do một mình chị thực hiện, anh **M** không biết và không có cùng thực hiện nên chị chỉ đồng ý một mình chị trả tiền cho bà **T**.

*Theo nội dung biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Phan Văn M** trình bày:*

Việc thỏa thuận mua bán dừa giữa chị **T1** với bà **T** anh hoàn toàn không biết và cũng không có cùng thực hiện. Trước đây anh có làm công việc phụ mớ dừa thuê cho chị **T1** được khoảng 02 tháng thì nghỉ, việc chị **T1** mua bán và nợ tiền của ai thì anh không biết. Anh không đồng ý liên đới với chị **T1** trả tiền theo yêu cầu của bà **T**.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Phan Văn M** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **M**.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Bà **T** yêu cầu chị **T1** trả số tiền còn nợ là 65.400.000 đồng, chị **T1** thừa nhận còn nợ số tiền trên và đồng ý trả nên ghi nhận. Tại phiên tòa bà **T** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đối với số tiền lãi nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu buộc chị **T1** và anh **M** có nghĩa vụ liên đới trả thấy rằng, khi chị **T1** và bà **T** mua bán dừa thì anh **M** không cùng thực hiện, chị **T1** cho rằng việc mua bán này là một mình chị làm. Tuy nhiên, tại các biên bản lấy lời khai chị **T1** và anh **M** đều cho rằng việc mua bán này là để lo cho gia đình, nuôi con nên cần buộc anh **M** phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền với chị **T1** là phù hợp.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà **Nguyễn Thị T** Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua tài sản” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Phan Văn M** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **M**.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào lời trình bày của bà **T** và chị **T1** xác định giữa hai bên có thỏa thuận mua bán dừa trái với nhau, chị **T1** mua dừa bà **T**, các bên không có thỏa thuận thanh toán. Khi mua bán hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có lập sổ theo dõi. Thời gian đầu hai bên làm ăn thuận lợi về sau dừa xuống giá nên chị **T1** có nợ lại bà **T** tiền dừa là 65.400.000 đồng. bà **T** khởi kiện yêu cầu chị **T1** trả số tiền trên. Chị **T1** cũng thừa nhận hiện nay còn nợ bà **T** số tiền 65.400.000 đồng và đồng ý trả cho bà **T** số tiền này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán: Theo nội dung đơn khởi kiện bà **T** yêu cầu tính lãi từ ngày 20/5/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 0.83%/tháng, tạm tính từ ngày 20/5/2022 đến ngày 20/8/2023 là 15 tháng với số tiền là 8.142.000 đồng. Tại phiên tòa bà **T** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi chậm thanh toán nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu liên đới thấy rằng, bà **T** trình bày việc chị **T1** mua bán dừa thì anh **M** là chồng chị **T1** có biết và mục đích chị **T1** mua bán dừa là để có lợi nhuận chăm lo cho gia đình nên bà yêu cầu anh **M** có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà. Chị **T1** và anh **M** cho rằng việc mua bán dừa với bà **T** là do một mình chị **T1** thực hiện, anh **M** không biết và cũng không cùng thực hiện nên không đồng ý yêu cầu của bà **T** về việc buộc anh **M** liên đới trả số tiền 65.400.000 đồng. Thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai thì chị **T1** và anh **M** đều thừa nhận tại thời điểm chị **T1** mua bán dừa với bà **T** thì anh, chị đã về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đang tồn tại hôn nhân hợp pháp, khi chị **T1** mua bán dừa thì anh **M** cũng có biết do có làm công cho chị **T1** vài tháng. Như vậy, việc chị **T1**, và anh **M** cho rằng việc chị **T1** mua bán dừa anh **M** không biết là không phù hợp.

Theo quy định tại Điều 27, Luật hôn nhân gia đình quy định: “ Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này...”

Điều 30 luật hôn nhân gia đình: “Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình

1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...”

Thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai chị **T1** trình bày mục đích chị mua bán dừa là để lo cho gia đình nhưng do làm ăn thua lỗ nên không lo được nhiều cho gia đình. Anh **M** cũng cho rằng lợi nhuận từ việc mua bán dừa chị **T1** dùng để xoay vốn làm ăn và lo cho con. Như vậy, mặc dù việc mua bán dừa với bà **T** chỉ do một mình chị **T1** thực hiện nhưng mục đích việc mua bán là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình do đó yêu cầu của bà **T** buộc anh **M** liên đới với chị **T1** trả số tiền 65.400.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, buộc chị **T1**, anh **M** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **T** số tiền là 65.400.000 đồng.

Đối với yêu cầu xin trả dần của chị **T1** với số tiền trả là 500.000 đồng/tháng cho đến khi xong các khoản nợ do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn và yêu cầu thanh toán một lần của bà **T**. Thấy rằng, yêu cầu trả dần là nội dung liên quan đến thời gian và cách thức thi hành án, thuộc giai đoạn thi hành án. Trong quá trình giải quyết vụ

án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án giải thích và hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được nên không có cơ sở chấp nhận.

Chị **T1** trình bày chị có hùn mua bán dừa với chị **Trần Thị L** nhưng trong vụ án này chị không có yêu cầu giải quyết nội dung gì liên quan đến chị **L** nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 3.270.000 đồng chị **T1** và anh **M** phải liên đới chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị T** đối với chị **Trần Thị T1**, anh **Phan Văn M**.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc chị **Trần Thị T1** và anh **Phan Văn M** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền là 65.400.0000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.270.000 đồng chị **Trần Thị T1** và anh **Phan Văn M** phải có nghĩa vụ liên đới chịu.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến